CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Ngày 31/12/2024	34,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**14.5%**	**47.8%**

DT thuần
Q4/24
173
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.9| 118%
YoY: ▲ 132| 318%

LN thuần
Q4/24
44.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 41.5| 1220%
YoY: ▲ 45.3| 11606%

LN sau thuế
Q4/24
38.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.2| 1988%
YoY: ▲ 37.7| 13006%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
15.7%
YoY: +/-▲ 14.4%

ROE
2024
48.8%
YoY: +/-▲ 47.1%

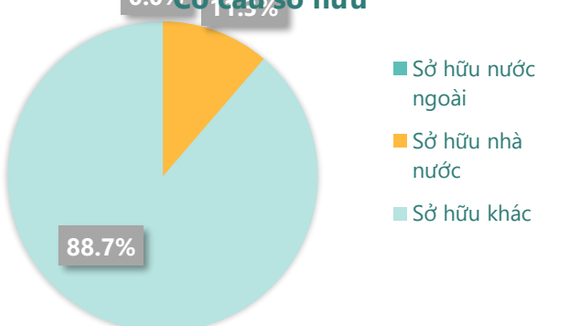
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,000 - 41,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
Số lượng CPLH (CP)	3,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,680
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.28
EPS	11,729
P/E	2.9

DT thuần
2024
341
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 230| 208%

LN thuần
2024
51.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.1| 2982%

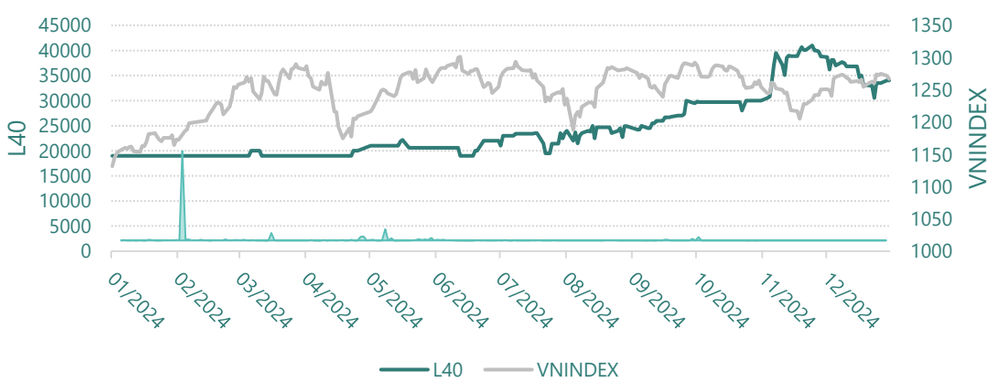
LN sau thuế
2024
42.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.1| 3702%

Cơ cấu sở hữu

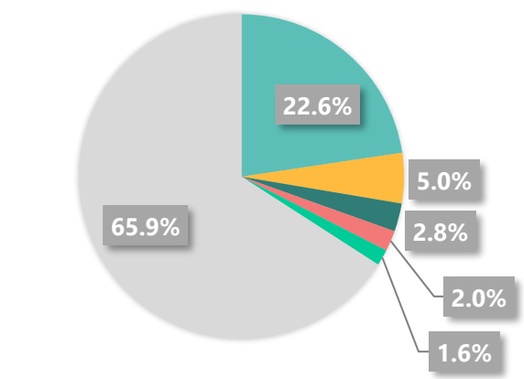


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

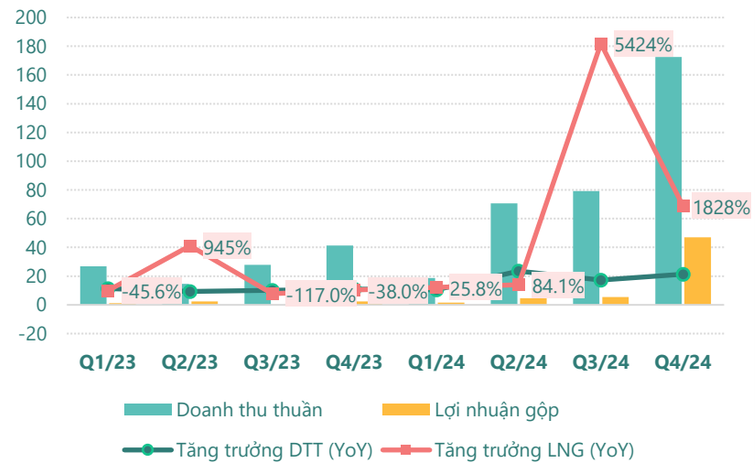


- Bùi Hữu Quỳnh
- Nguyễn Văn Sơn
- Bùi Duy Tiên
- Phạm Văn Hoàn (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thị Hoa (Trưởng ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

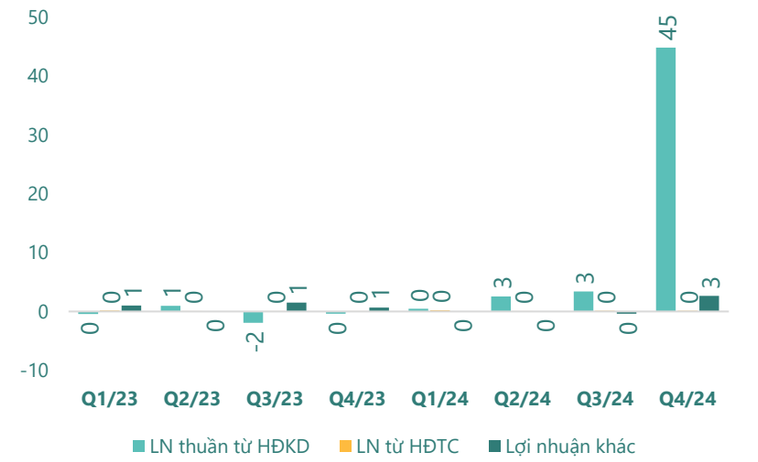
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



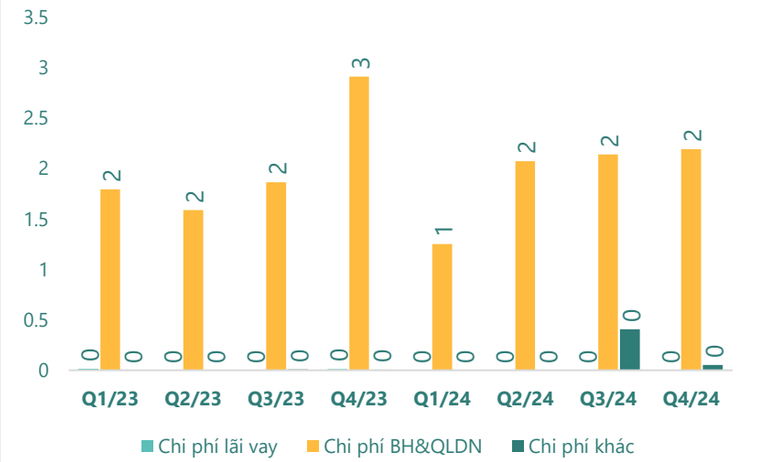
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



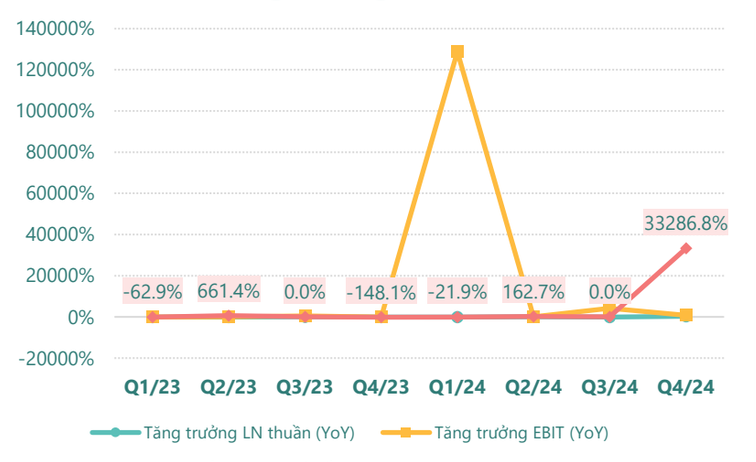
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



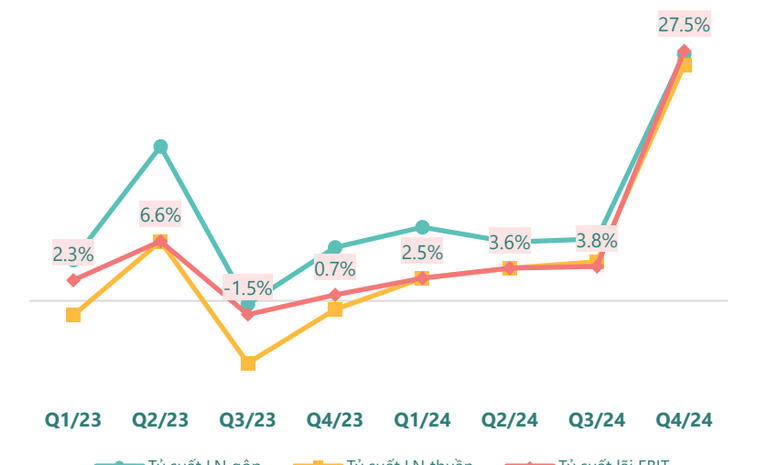
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



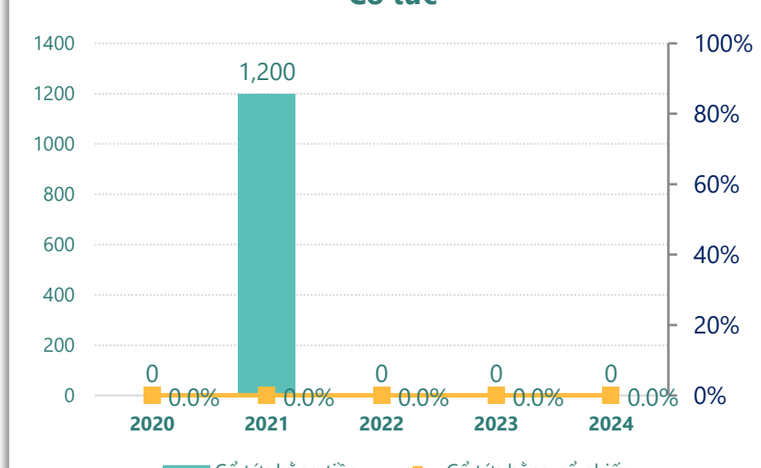
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

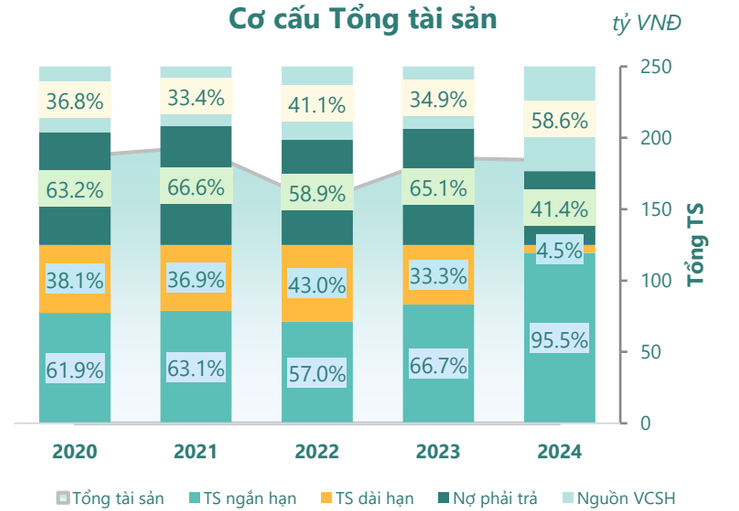
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

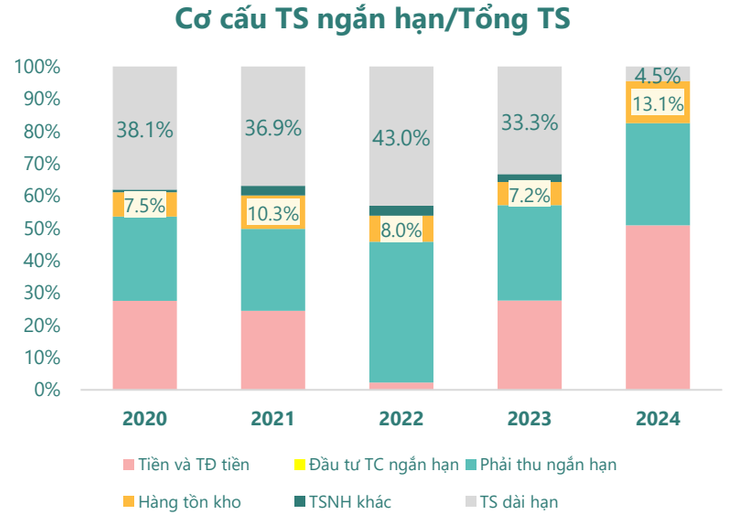
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



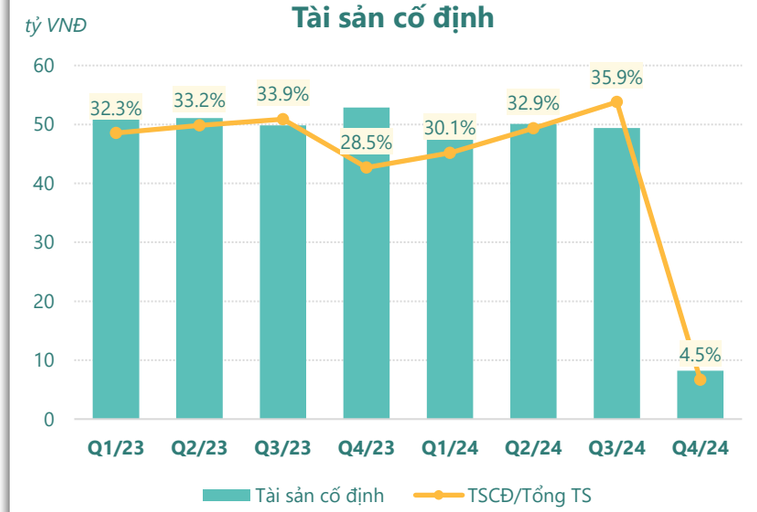
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



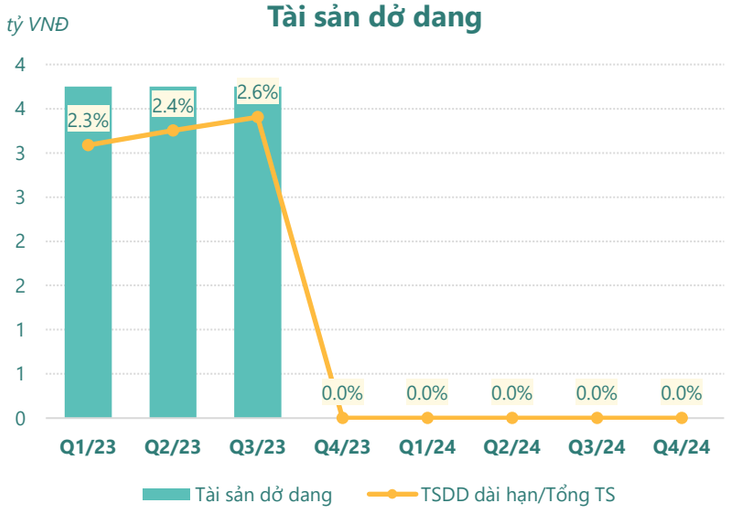
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



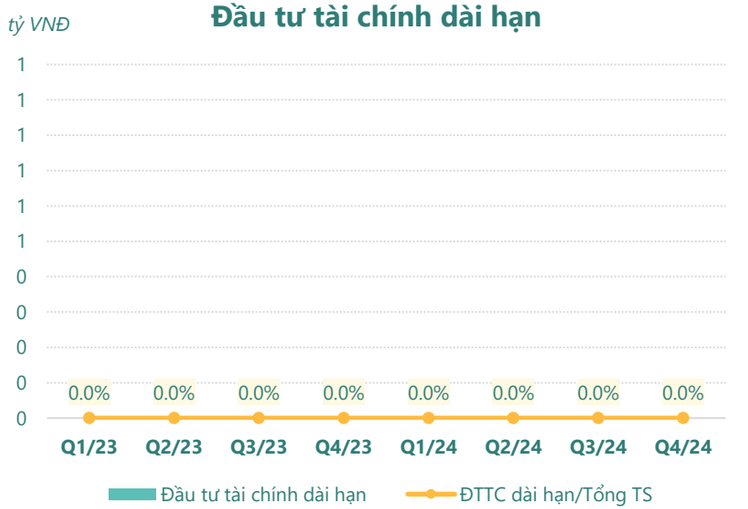
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



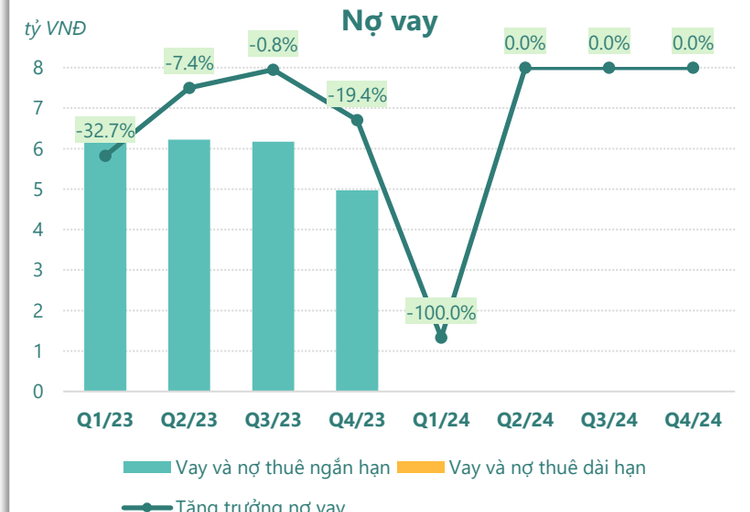
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

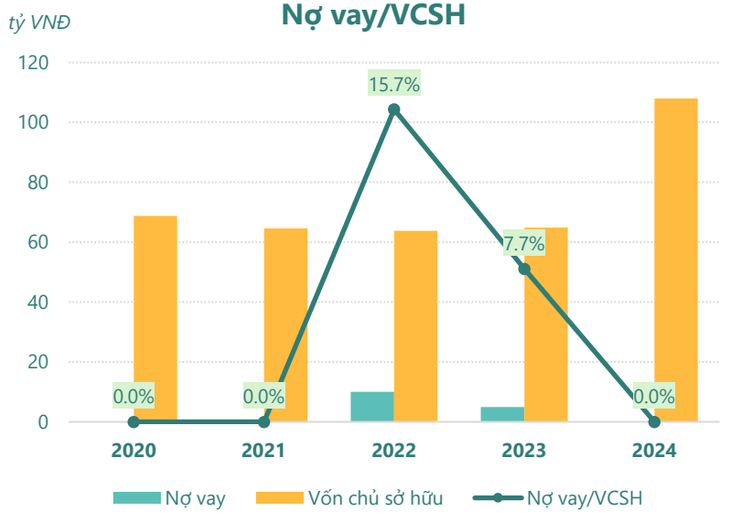
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

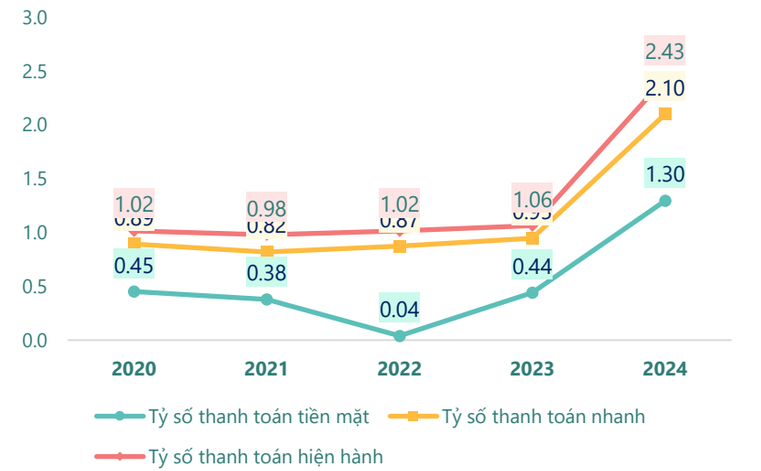
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



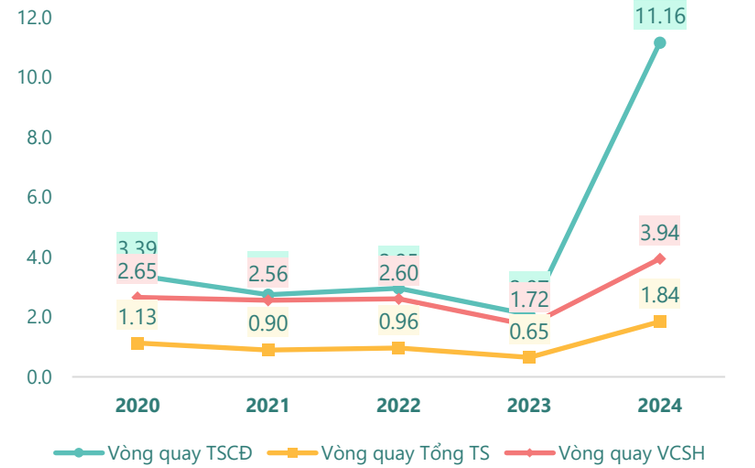
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



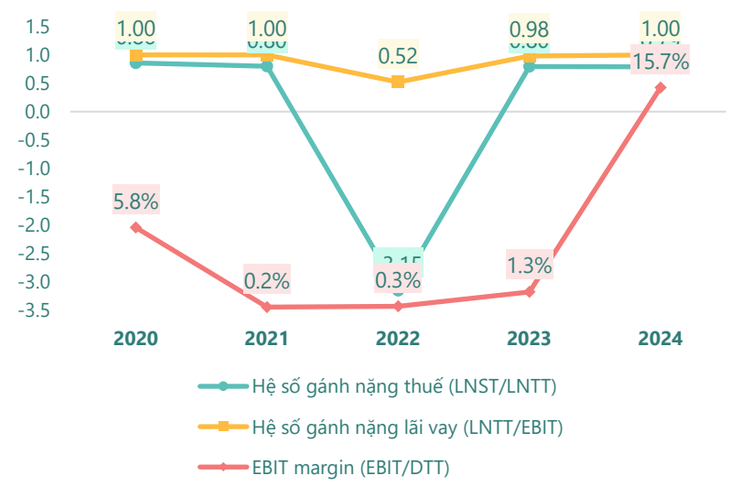
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



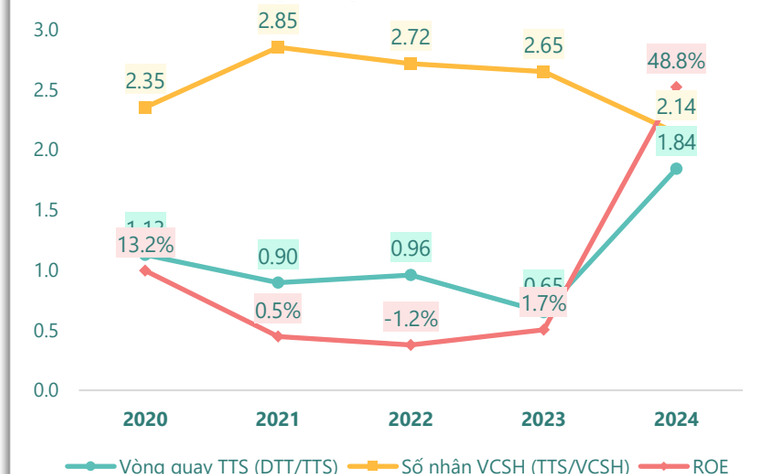
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



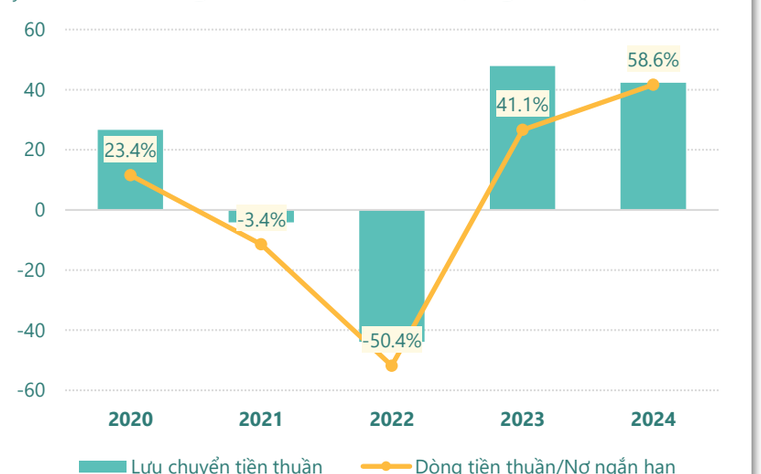
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**173**	**41.3**	**318%**	**341**	**111**	**208%**
Giá vốn hàng bán	126	38.9	223%	283	105	170%
Lợi nhuận gộp	46.9	2.43	1832%	58.4	5.85	899%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.10	19.3%	0.50	0.39	26.5%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.03	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.03	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.19**	**2.92**	**-24.9%**	**7.66**	**7.99**	**-4.1%**
LN thuần từ HĐKD	44.9	-0.39	11606%	51.3	-1.78	2982%
Lợi nhuận khác	**2.65**	**0.66**	**301%**	**2.25**	**3.17**	**-29.1%**
LN trước thuế	47.5	0.26	18177%	53.5	1.39	3738%
Lợi nhuận sau thuế	**38.0**	**0.29**	**13006%**	**42.2**	**1.11**	**3702%**
LNST của CĐ cty mẹ	**38.0**	**0.29**	**13006%**	**42.2**	**1.11**	**3702%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.97	45.8	-35.0	-3.27	-7.43	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	-0.67	0.20	0.05	-0.12	74.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-1.20	-4.97	0	0.62	-0.10
Tiền đầu kỳ	8.39	7.39	51.3	11.6	8.38	1.44
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.00**	**43.9**	**-39.7**	**-3.22**	**-6.93**	**92.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.39	51.3	11.6	8.38	1.44	93.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**184**	**186**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	176	124	42.1%
Tiền và tương đương tiền	93.7	51.3	82.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	58.2	54.8	6.2%
Hàng tồn kho	24.1	13.4	80.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	4.39	-100%
Tài sản dài hạn	**8.21**	**61.9**	**-86.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.21	52.9	-84.5%
Bất động sản đầu tư	0	1.73	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**7.32**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.2	121	-37.0%
Nợ ngắn hạn	**72.3**	**116**	**-38.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	4.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.4	23.6	50.2%
Nợ dài hạn	3.89	4.40	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**108**	**64.9**	**66.4%**
Vốn chủ sở hữu	**108**	**64.9**	**66.4%**
Vốn điều lệ	36.0	36.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)